TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 177/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2021
V/v tranh chấp: "Hôn nhân và gia đình, Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 01, ấpL, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 10/27, k T, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2021, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trương Minh Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Trần Thị Hồng N qua quá trình tìm hiểu quen biết nhau, sau đó cả hai quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 18/4/2009 và có Đ ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 15/7/2009. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến ngày 30/4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp nhau nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ Nng bà N vẫn không sửa đổi tính tình để cùng ông xây dựng cuộc sống gia đình. Vì vậy cả hai đã chính thức ly thân từ

ngày 27/10/2020 cho đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2017. Hiện nay, con chung đang do ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

Nhận thấy tình cảm của ông dành cho bà N không còn nên ông có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Về con chung, ông yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2017; ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị Hồng N đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án Nng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà N đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai Nng bà N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn ông Đ có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 09/7/2021.

Bị đơn bà N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trương Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Hồng N và có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn của vụ án là bà Trần Thị Hồng N có Đ ký hộ khẩu thường trú tại số 10/27, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà N theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS Nng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của bà N không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Ông Đ có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ trình bày, sau khi tìm hiểu nhau về mặt tình cảm thì ông với bà N quyết định thành vợ chồng. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 18/4/2009 và có Đ ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 15/7/2009. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến ngày 30/4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp nhau nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ Nng bà N vẫn không sửa đổi tính tình để cùng ông xây dựng cuộc sống gia đình. Vì vậy cả hai đã chính thức ly thân từ ngày 27/10/2020 cho đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Chứng minh cho lời trình bày trên, ông Đ có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số 155, Quyển số 01 ngày 15/7/2009 của UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Minh Đ và bà Trần Thị Hồng N; Giấy khai sinh của con chung Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2017. N vậy, ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định Nng bà N vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, lời trình bày và chứng cứ mà ông Đ cung cấp là cơ sở để Tòa án xác định hôn nhân giữa ông Đ với bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận Nng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ ngày 27/10/2020 đến nay là có thật; cho thấy ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Đ có yêu cầu được ly hôn bà N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Ông Đ xác định quá trình chung sống, ông với bà N có một con chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2017. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, cháu N sống cùng cha là ông Đ; dưới sự chăm sóc, giáo dục của ông Đ thì con chung sinh sống ổn định và phát triển bình thường, cho thấy ông Đ có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do đó, việc ông Đ yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, bà N vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết Nng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án khác.

Về quan hệ nợ chung: Ông Đ trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án cũng không xem xét giải quyết Nng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Đ vẫn phải cùng bà N liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000429 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Minh Đ được ly hôn với bà Trần Thị Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 155, Quyển số 01 ngày 15/7/2009 của UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Minh Đ và bà Trần Thị Hồng N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/01/2017 cho ông Đ được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định pháp luật. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Đ không yêu cầu.

Ông Đ cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà N được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai có quyền ngăn cấm. Việc nuôi con chung không cố định. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000429 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà N không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- CCTHADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu